

Số: 97/TTr-UBND

Krông Nô, ngày 10 tháng 8 năm 2022

TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình
mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Krông Nô**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH ngày 22 tháng 5 năm 2022 của Ủy
ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-
2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03
chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính
phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu
quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã
hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I:
Từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm
2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm
nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng
02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia
xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách
trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 3 chương trình mục
tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của
HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn
ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực
hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6
năm 2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định

mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông; Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Krông Nô về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Krông Nô.

Để đảm bảo thực hiện đầu tư các công trình thuộc nguồn vốn các Chương trình Mục tiêu quốc gia đúng quy định. UBND huyện kính trình HĐND huyện điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô, với nội dung cụ thể như sau:

1. Trước điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô *chi tiết theo phụ lục I, II, II.1, II.3, III, IV kèm theo.*

2. Sau điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 Chương trình Mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô *chi tiết theo phụ lục I, II, II.1, II.3, III, IV kèm theo.*

2.1. Tại phụ lục II.

* Điều chỉnh giảm: 9.101 triệu đồng. Trong đó:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân bổ cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất với số tiền 3.800 triệu đồng từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 3.800 triệu đồng (vốn ngân sách Trung ương 1.900 triệu đồng, vốn đối ứng ngân sách huyện 1.900 triệu đồng). Lý do điều chỉnh: Công trình Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú không thực hiện, do trùng với công trình đầu tư của ngành điện.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân bổ cho Phòng Văn hoá và Thông tin với số tiền 2.100 triệu đồng từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia xây

dựng nông thôn mới. Lý do nhầm lẫn trong quá trình soạn thảo văn bản từ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang cho Phòng Văn hóa và Thông tin.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã phân bổ cho UBND xã Đăk Nang với số tiền 3.201 triệu đồng từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Lý do đầu tư công trình, đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang.

* Điều chỉnh tăng: 9.101 triệu đồng. trong đó:

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho UBND xã Quảng Phú với số tiền 7.001 triệu đồng từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 3.201 triệu đồng và Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 3.800 triệu đồng. Lý do công trình Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú không thực hiện do trùng với công trình đầu tư của ngành điện.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với số tiền 2.100 triệu đồng. Lý do là nhầm lẫn trong quá trình soạn thảo văn bản từ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang cho Phòng Văn hóa và Thông tin.

2.2. Tại phụ lục II.1. Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt:

- Điều chỉnh giảm cơ cấu vốn đối ứng ngân sách của UBND xã Năm Nung thực hiện nội dung 1: Hỗ trợ đất ở với số tiền 8 triệu đồng. Tăng cơ cấu nguồn vốn đối ứng cho UBND xã Năm Nung để thực hiện nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở với số tiền là 8 triệu đồng.

2.3. Tại phụ lục II.1. Tại tiểu dự án 1 thuộc Dự án 4 Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn đã phân bổ cho UBND xã Đăk Nang với số tiền 3.201 triệu đồng. Lý do đầu tư công trình, đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Thịnh, xã Đăk Nang.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho UBND xã Quảng Phú với số tiền 3.201 triệu đồng từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi. Lý do điều chỉnh: Công trình Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú không thực hiện do trùng với công trình đầu tư của ngành điện.

2.4. Tại phụ lục II.3

* Điều chỉnh giảm: 5.900 triệu đồng. Trong đó:

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân bổ cho Ban Quản lý dự án và Phát triển quỹ đất với số tiền 3.800 triệu đồng. Lý do điều chỉnh: Công trình Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú không thực hiện do trùng với công trình đầu tư của ngành điện.

- Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn phân bổ cho Phòng Văn hoá và Thông tin với số tiền 2.100 triệu đồng. Lý do là nhằm lẫn trong quá trình soạn thảo văn bản từ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang cho Phòng Văn hóa và Thông tin.

* Điều chỉnh tăng: 5.900 triệu đồng. Trong đó:

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với số tiền 2.100 triệu đồng. Lý do là nhằm lẫn trong quá trình soạn thảo văn bản từ Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn sang cho Phòng Văn hóa và Thông tin.

- Điều chỉnh tăng kế hoạch vốn cho UBND xã Quảng Phú với số tiền 3.800 triệu đồng. Lý do công trình Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú không thực hiện do trùng với công trình đầu tư của ngành điện.

2.5. Tại phụ lục III. Tại mục C Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Điều chỉnh giảm nguồn vốn đối ứng các phòng, ban của huyện 1.900 triệu đồng (từ 5.950 triệu đồng xuống còn 4.050 triệu đồng). Lý do điều chỉnh: Công trình Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú không thực hiện do trùng với công trình đầu tư của ngành điện.

- Điều chỉnh tăng nguồn vốn đối ứng phân cấp cho cấp xã, thị trấn 1.900 triệu đồng (UBND xã Quảng Phú). Lý do điều chỉnh: Công trình Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú không thực hiện do trùng với công trình đầu tư của ngành điện, nên giao nguồn vốn nông thôn mới về cho xã Quảng Phú thực hiện và đối ứng (5.619 triệu đồng lên 7.519 triệu đồng).

2.6. Tại phụ lục IV.

* Điều chỉnh, bổ sung một số danh mục công trình

- Bỏ danh mục công trình: Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú với số tiền 7.000 triệu đồng, từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số miền núi là 3.200 triệu đồng; Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới là 3.800 triệu đồng, do dự án trùng với dự án của Công ty Điện lực Đắk Nông thực hiện đầu tư.

- Bổ sung mới danh mục công trình: Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Thịnh, xã Đắk Nang với số tiền 3.500 triệu đồng từ nguồn vốn Chương trình Mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi là 3.200 triệu đồng; nguồn vốn đối ứng ngân sách huyện 300 triệu đồng.

- Điều chỉnh tên công trình: Đường giao thông từ thôn Phú Lợi kết nối vào vùng dự án sang tên công trình: Dự án định canh, định cư tập trung xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông để cho trùng với tên dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Các nội dung khác thực hiện theo *Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Krông Nô về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Krông Nô*;

Danh mục tài liệu trình HĐND huyện, gồm có: Dự thảo Nghị quyết của HĐND huyện về việc điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn huyện Krông Nô.

Kính trình HĐND huyện, kỳ họp Chuyên đề lần thứ nhất xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy (b/c);
- Thường trực HĐND huyện;
- Chủ tịch, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các đại biểu HĐND huyện;
- Các đồng chí Ủy viên UBND huyện;
- Các phòng: TCKH, DT, NNPTNT, LĐTBXH, VHHT; TTVHHT&TT;
- UBND các xã, thị trấn;
- VP HĐND&UBND huyện;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Đăng Ánh

Phụ lục I

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG NÔ TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của UBND huyện Krông Nô)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục các chương trình	Tổng cộng	Trong đó				
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	Tổng cộng	208.546	154.600	53.946	393	6.685	46.868
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	73.211	72.579	632	190	260	182
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	7.446	6.768	678	203	475	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn	127.889	75.253	52.636		5.950	46.686

Phụ lục II

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của UBND huyện Krông Nô)

ĐVT: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH					Ghi chú
			Trogn đó					
			Ngân sách Trung ương	NS địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG (I+II)	208.546	154.600	53.946	393	6.685	46.868	
I	CÁC PHÒNG, BAN CỦA HUYỆN	56.478	49.478	7.000	315	6.685	-	
1	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất	25.200	23.300	1.900		1.900		
2	Phòng NNPTNT	5.782	5.782					
3	Phòng Dân Tộc	11.961	10.461	1.500	-	1.500		
4	Phòng Văn hoá & Thông Tin	6.089	3.167	2.922	112	2.810		
5	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	7.446	6.768	678	203	475		
II	PHÂN CẤP CHO CẤP XÃ	152.068	105.122	46.946	78	-	46.868	
1	UBND Thị trấn Đắk Mâm	5.285	5.241	44			44	
2	UBND xã Đắk Sôr	3.655	2.151	1.504			1.504	
3	UBND xã Nam Xuân	14.251	9.731	4.520		-	4.520	
4	UBND xã Nam Đà	5.255	3.751	1.504			1.504	
5	UBND xã Tân Thành	18.269	10.750	7.519		-	7.519	
6	UBND xã Buôn Choánh	9.195	7.221	1.974		-	1.974	
7	UBND xã Đắk Drô	5.255	3.751	1.504			1.504	
8	UBND xã Năm N'Dir	13.012	8.500	4.512			4.512	
9	UBND xã Năm Nung	28.569	20.878	7.691	78	-	7.613	
10	UBND xã Đức Xuyên	12.785	8.265	4.520		-	4.520	
11	UBND xã Đắk Nang	18.690	12.671	6.019		-	6.019	
12	UBND xã Quảng Phú	17.847	12.212	5.635		-	5.635	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH						Ghi chú	
		TỔNG CỘNG	Trong đó						
			Ngân sách Trung ương	Ngân Sách địa phương					
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	ngân sách xã		
	TỔNG CỘNG (I+II)	73.211	72.579	632	190	260	182		
I	CÁC PHÒNG, BAN CỦA HUYỆN	37.132	36.760	372	112	260	-		
1	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất	21.400	21.400						
2	Phòng NNPTNT	5.782	5.782						
3	Phòng Dân Tộc	8.961	8.961	-					
4	Phòng Văn hoá & Thông Tin	989	617	372	112	260			
II	PHÂN CẤP CHO CẤP XÃ, THỊ TRẤN	36.079	35.819	260	78	-	182		
1	UBND Thị trấn Đắk Mâm	5.285	5.241	44			44		
2	UBND xã Nam Xuân	3.289	3.281	8			8		
3	UBND xã Nam Đà	1.600	1.600	-					
4	UBND xã Buôn Choánh	3.333	3.321	12			12		
5	UBND xã Đắk Drô	1.600	1.600	-					
6	UBND xã Năm N'Dir	2.050	2.050	-					
7	UBND xã Năm Nung	10.300	10.128	172	78		94		
8	UBND xã Đức Xuyên	1.823	1.815	8			8		
9	UBND xã Đắk Nang	3.421	3.421	-					
10	UBND xã Quảng Phú	3.378	3.362	16			16		

DVT: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH						Ghi chú
		TỔNG CỘNG	Trong đó					
			Ngân sách Trung ương	Ngân Sách địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG	7.446	6.768	678	203	475	-	
I	CÁC PHÒNG, BAN	7.446	6.768	678	203	475	-	
1	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	7.446	6.768	678	203	475		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH						Ghi chú
		TỔNG CỘNG	Trong đó					
			Ngân sách Trung ương	Ngân Sách địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG (I+II)	127.889	75.253	52.636	-	5.950	46.686	
I	CÁC PHÒNG, BAN CỦA HUYỆN	11.900	5.950	5.950	-	5.950	-	
1	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất	3.800	1.900	1.900		1.900		
2	Phòng Dân Tộc	3.000	1.500	1.500	-	1.500		
3	Phòng Văn hoá & Thông Tin	5.100	2.550	2.550	-	2.550		
II	PHÂN CẤP CHO CẤP XÃ	115.989	69.303	46.686	-	-	46.686	
1	UBND xã Đắc Sôr	3.655	2.151	1.504		-	1.504	
2	UBND xã Nam Xuân	10.962	6.450	4.512		-	4.512	
3	UBND xã Nam Đà	3.655	2.151	1.504		-	1.504	
4	UBND xã Tân Thành	18.269	10.750	7.519		-	7.519	
5	UBND xã Buôn Choáh	5.862	3.900	1.962		-	1.962	
6	UBND xã Đắc Drô	3.655	2.151	1.504		-	1.504	
7	UBND xã Nâm N'Đir	10.962	6.450	4.512		-	4.512	
8	UBND xã Nâm Nung	18.269	10.750	7.519		-	7.519	
9	UBND xã Đức Xuyên	10.962	6.450	4.512		-	4.512	
10	UBND xã Đắc Nang	15.269	9.250	6.019		-	6.019	
11	UBND xã Quảng Phú	14.469	8.850	5.619		-	5.619	

Phụ lục II.1

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của Ủy Ban Nhân Dân huyện Krông Nô)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương				
		Tổng cộng		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã		
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)	73.211	72.579	632	190	260	182	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	18.368	18.108	260	78	0	182	
1	Hạng mục công trình nước sạch	14.623	14.623					
1.1	Phòng NNPTNT	5.782	5.782					
1.2	Phòng Dân Tộc	8.841	8.841					
2	Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất	3.745	3.485	260	78	0	182	
2.1	Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở	1.980	1.820	160	78	0	82	
2.1.1	UBND xã Năm Nung	1.760	1.600	160	78		82	
2.1.2	UBND xã Đăk Nang	220	220					
2.2	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở	1.180	1.080	100			100	
2.2.1	UBND Thị trấn Đăk Mâm	484	440	44			44	
2.2.2	UBND xã Năm Nung	212	200	12			12	
2.2.3	UBND xã Đức Xuyên	88	80	8			8	
2.2.4	UBND xã Buôn Choah	132	120	12			12	
2.2.5	UBND xãNam Xuân	88	80	8			8	
2.2.6	UBND xã Quảng Phú (04)	176	160	16			16	
2.3	Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất	585	585					
2.3.1	UBND xã Năm N'Đir	450	450					
2.3.2	UBND xã Đức Xuyên	135	135					
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	8.600	8.600	0	0	0	0	

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
				Ngân sách địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
1	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất	8.600	8.600					
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	45.134	45.134					
1	Tiểu dự án 1:Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	45.134	45.134					
1.1	Các phòng, ban của huyện	12.800	12.800					
1.1.1	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất	12.800	12.800					
1.2	Phân cấp cho cấp xã	32.334	32.334					
1	UBND xã Năm Nung	8.328	8.328					
2	UBND xã Nam Đà	1.600	1.600					
3	UBND xãNam Xuân	3.201	3.201					
4	UBND xã Đức Xuyên	1.600	1.600					
5	UBND Thị trấn Đắk Mâm	4.801	4.801					
6	UBND xã Buôn Choah	3.201	3.201					
7	UBND xã Năm N'Đir	1.600	1.600					
8	UBND xã Quảng Phú	3.202	3.202					
9	UBND xã Đắk Nang	3.201	3.201					
10	UBND xã Đắk Drô	1.600	1.600					
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	989	617	372	112	260		
*	Cấp huyện	989	617	372	112	260		
1	Phòng Văn hoá thông tin	989	617	372	112	260		

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	120	120	0		0		
*	Cấp huyện	120	120	0		0		
1	Phòng Dân Tộc	120	120	0		0		

Phụ lục II.2

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của Ủy Ban Nhân Dân huyện Krông Nô)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
	TỔNG CỘNG	7.446	6.768	678	203	475	
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	7.446	6.768	678	203	475	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	6.948	6.316	632	189	443	
1.1	Phòng LĐTBXH	6.948	6.316	632	189	443	
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	498	452	46	14	32	
2.1	Phòng LĐTBXH	498	452	46	14	32	

Phụ lục II.3

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của UBND huyện Krông Nô)

DVT: Triệu đồng

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	Giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
		Tổng	Trong đó				
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
				Tổng cộng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG	127.889	75.253	52.636	5.950	46.686	
I	CÁC PHÒNG, BAN CỦA HUYỆN	11.900	5.950	5.950	5.950		
1	Ban quản lý dự và phát triển quỹ đất	3.800	1.900	1.900	1.900		
2	Phòng VH TT	5.100	2.550	2.550	2.550		
3	Phòng Dân tộc	3.000	1.500	1.500	1.500		
II	PHÂN CẤP CHO CẤP XÃ	115.989	69.303	46.686	-	46.686	
1	UBND xã Đắk Sôr	3.655	2.151	1.504		1.504	
2	UBND xã Nam Xuân	10.962	6.450	4.512		4.512	
3	UBND xã Nam Đà	3.655	2.151	1.504		1.504	
4	UBND xã Tân Thành	18.269	10.750	7.519		7.519	
5	UBND xã Buôn Choánh	5.862	3.900	1.962		1.962	
6	UBND xã Đắk Drô	3.655	2.151	1.504		1.504	
7	UBND xã Năm N'Đir	10.962	6.450	4.512		4.512	
8	UBND xã Năm Nung	18.269	10.750	7.519		7.519	
9	UBND xã Đức Xuyên	10.962	6.450	4.512		4.512	
10	UBND xã Đắk Nang	15.269	9.250	6.019		6.019	
11	UBND xã Quảng Phú	14.469	8.850	5.619		5.619	

Phụ lục III

**TỔNG HỢP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN
03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của UBND huyện Krông Nô)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	NS Trung ương	NS địa phương				Ghi chú
			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG = A+B+C	154.600	53.946	393	6.685	46.868	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	72.579	632	190	260	182	
I	Các phòng, ban của huyện	36.760	372	112	260		
II	Phân cấp cho cấp xã, thị trấn	35.819	260	78	-	182	
1	UBND Thị trấn Đắk Mâm	5.241	44	-	-	44	
2	UBND xã Nam Xuân	3.281	8	-	-	8	
3	UBND xã Nam Đà	1.600	-	-	-	-	
4	UBND xã Buôn Choáh	3.321	12	-	-	12	
5	UBND xã Đắk Drô	1.600	-	-	-	-	
6	UBND xã Năm N'Đir	2.050	-	-	-	-	
7	UBND xã Năm Nung	10.128	172	78	-	94	
8	UBND xã Đức Xuyên	1.815	8	-	-	8	
9	UBND xã Đắk Nang	3.421	-	-	-	-	
10	UBND xã Quảng Phú	3.362	16	-	-	16	
B	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	6.768	678	203	475	-	
I	Các phòng, ban của huyện	6.768	678	203	475		
C	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	75.253	52.636	-	5.950	46.686	
I	Các phòng, ban của huyện	5.950	5.950	-	5.950		
II	Phân cấp cho cấp xã, thị trấn	69.303	46.686	-	-	46.686	
1	UBND xã Đắk Sôr	2.151	1.504			1.504	
2	UBND xã Nam Xuân	6.450	4.512		-	4.512	
3	UBND xã Nam Đà	2.151	1.504			1.504	
4	UBND xã Tân Thành	10.750	7.519		-	7.519	
5	UBND xã Buôn Choáh	3.900	1.962		-	1.962	
6	UBND xã Đắk Drô	2.151	1.504			1.504	
7	UBND xã Năm N'Đir	6.450	4.512			4.512	
8	UBND xã Năm Nung	10.750	7.519		-	7.519	
9	UBND xã Đức Xuyên	6.450	4.512		-	4.512	
10	UBND xã Đắk Nang	9.250	6.019		-	6.019	
11	UBND xã Quảng Phú	8.850	5.619		-	5.619	

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TRƯỚC ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của UBND huyện Krông Nô)

Stt	Nội dung/Dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch vốn năm giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	2	5	6	8		9	10	13	14	9	10	13	14	
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI					41.923	36.023	0	0	36.023	36.023	0	0	
I	Lĩnh vực cấp, thoát nước					16.723	14.623	0	0	14.623	14.623	0	0	
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2022-2023	2.882	2.882			2.882	2.882			
2	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2023-2025	5.000	2.900			2.900	2.900			Lồng ghép với chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 1.050trđ và vốn đối ứng ngân sách huyện 1.050 trđ
3	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Phú Tiến, xã Đắk Nang	Xã Đắk Nang	Phòng Dân Tộc	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2023-2025	2.841	2.841			2.841	2.841			
4	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Phú Hòa, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Phòng Dân Tộc	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2023-2025	3.000	3.000			3.000	3.000			
5	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Phòng Dân Tộc	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2023-2025	3.000	3.000			3.000	3.000			
II	Lĩnh vực giao thông					18.200	18.200	0	0	18.200	18.200	0	0	
1	Đường giao thông từ thôn Phú Lợi kết nối vào vùng dự án	Xã Quảng Phú	Ban QLDA & PTQĐ	Xây dựng mới đường giao thông với chiều dài khoảng 2,51km, đường GTNT loại B.	2022-2023	8.600	8.600			8.600	8.600			
2	Đường giao thông từ thôn Tân Lập vào khu sản xuất suối Đắk Rí, xã Năm Nung	Xã Năm Nung	Ban QLDA & PTQĐ	Nâng cấp, Sửa chữa đường giao thông với tổng chiều dài khoảng 4,2km đường GTNT loại B	2022-2024	9.600	9.600			9.600	9.600			
III	Lĩnh vực điện					7.000	3.200	0	0	3.200	3.200	0	0	

Stt	Nội dung/Dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch vốn năm giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban QLDA & PTQĐ	05km đường dây trung áp, 10km đường dây hạ áp và 03 trạm biến áp	2022-2023	7.000	3.200			3.200	3.200			Lồng ghép với chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 1.900 trđ và vốn đối ứng ngân sách huyện 1.900 trđ
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG					6.948	6.316	189	443	6.948	6.316	189	443	
I	DỰ ÁN 4: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VIỆC LÀM BỀN VỮNG					6.948	6.316	189	443	6.948	6.316	189	443	
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	TT Đăk Mâm	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	2022-2023	2.239	2.036	61	142	2.239	2.036	61	142	
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	TT Đăk Mâm	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	2023-2025	4.709	4.280	128	301	4.709	4.280	128	301	
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI					18.000	5.950	-	5.950	11.900	5.950	-	5.950	
I	Lĩnh vực văn hoá					6.000	3.000	-	3.000	6.000	3.000	-	3.000	
1	Nhà văn hoá xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Phòng Dân Tộc	Hội trường 200 chỗ ngồi	2022-2023	3.000	1.500		1.500	3.000	1.500		1.500	
2	Nhà văn hoá xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Phòng Văn hoá và Thông tin	Hội trường 200 chỗ ngồi	2022-2023	3.000	1.500		1.500	3.000	1.500		1.500	
II	Lĩnh vực điện					7.000	1.900	0	1.900	3.800	1.900	0	1.900	
1	Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Ban QLDA & PTQĐ	05km đường dây trung áp, 10km đường dây hạ áp và 03 trạm biến áp	2022-2023	7.000	1.900		1.900	3.800	1.900		1.900	Lồng ghép với CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 3.200 triệu và vốn đối ứng NS huyện 1.900 triệu đồng
I	Lĩnh vực cấp, thoát nước					5.000	1.050	0	1.050	2.100	1.050	0	1.050	
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2023-2025	5.000	1.050		1.050	2.100	1.050		1.050	Lồng ghép với CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2.900 trđ và vốn đối ứng ngân sách huyện 1.050 trđ.
	Tổng cộng					66.871	48.289	189	6.393	54.871	48.289	189	6.393	

Phụ lục I

KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG NÔ SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của UBND huyện Krông Nô)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục các chương trình	Tổng cộng	Trong đó				
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã
	Tổng cộng	208.546	154.600	53.946	393	4.785	48.768
1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	73.211	72.579	632	190	260	182
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	7.446	6.768	678	203	475	
3	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn	127.889	75.253	52.636		4.050	48.586

Phụ lục II
PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN KRÔNG NÔ SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của UBND huyện Krông Nô)

ĐVT: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG CỘNG	TỔNG KẾ HOẠCH VỐN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA					Ghi chú
			Trogn đó					
			Ngân sách Trung ương	NS địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG (I+II)	208.546	154.600	53.946	393	4.785	48.768	
I	CÁC PHÒNG, BAN CỦA HUYỆN	52.678	47.578	5.100	315	4.785	-	
1	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất	21.400	21.400	-				
2	Phòng NNPTNT	7.882	6.832	1.050		1.050		
3	Phòng Dân Tộc	11.961	10.461	1.500	-	1.500		
4	Phòng Văn hoá & Thông Tin	3.989	2.117	1.872	112	1.760		
5	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	7.446	6.768	678	203	475		
II	PHÂN CẤP CHO CẤP XÃ	155.868	107.022	48.846	78	-	48.768	
1	UBND Thị trấn Đắk Mâm	5.285	5.241	44			44	
2	UBND xã Đắk Sôr	3.655	2.151	1.504			1.504	
3	UBND xã Nam Xuân	14.251	9.731	4.520		-	4.520	
4	UBND xã Nam Đà	5.255	3.751	1.504			1.504	
5	UBND xã Tân Thành	18.269	10.750	7.519		-	7.519	
6	UBND xã Buôn Choách	9.195	7.221	1.974		-	1.974	
7	UBND xã Đắk Drô	5.255	3.751	1.504			1.504	
8	UBND xã Năm N'Đir	13.012	8.500	4.512			4.512	
9	UBND xã Năm Nung	28.569	20.878	7.691	78	-	7.613	
10	UBND xã Đức Xuyên	12.785	8.265	4.520		-	4.520	
11	UBND xã Đắk Nang	15.489	9.470	6.019		-	6.019	
12	UBND xã Quảng Phú	24.848	17.313	7.535		-	7.535	

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ MIỀN NÚI SAU ĐIỀU CHỈNH						Ghi chú	
		TỔNG CỘNG	Trong đó						
			Ngân sách Trung ương	Ngân Sách địa phương					
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	ngân sách xã		
	TỔNG CỘNG (I+II)	73.211	72.579	632	190	260	182		
I	CÁC PHÒNG, BAN CỦA HUYỆN	37.132	36.760	372	112	260	-		
1	Ban quản lý dự án và Phát triển Quỹ đất	21.400	21.400						
2	Phòng NNPTNT	5.782	5.782						
3	Phòng Dân Tộc	8.961	8.961	-					
4	Phòng Văn hoá & Thông Tin	989	617	372	112	260			
II	PHÂN CẤP CHO CẤP XÃ, THỊ TRẤN	36.079	35.819	260	78	-	182		
1	UBND Thị trấn Đắk Mâm	5.285	5.241	44			44		
2	UBND xã Nam Xuân	3.289	3.281	8			8		
3	UBND xã Nam Đà	1.600	1.600	-					
4	UBND xã Buôn Choánh	3.333	3.321	12			12		
5	UBND xã Đắk Drô	1.600	1.600	-					
6	UBND xã Năm N'Đir	2.050	2.050	-					
7	UBND xã Năm Nung	10.300	10.128	172	78		94		
8	UBND xã Đức Xuyên	1.823	1.815	8			8		
9	UBND xã Đắk Nang	220	220	-					
10	UBND xã Quảng Phú	6.579	6.563	16			16		

DVT: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG SAU ĐIỀU CHỈNH						Ghi chú
		TỔNG CỘNG	Trong đó					
			Ngân sách Trung ương	Ngân Sách địa phương				
		Tổng cộng		Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	ngân sách xã		
	TỔNG CỘNG	7.446	6.768	678	203	475	-	
I	CÁC PHÒNG, BAN	7.446	6.768	678	203	475	-	
1	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	7.446	6.768	678	203	475		

STT	TÊN ĐƠN VỊ	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI SAU ĐIỀU CHỈNH						Ghi chú
		TỔNG CỘNG	Trong đó					
			Ngân sách Trung ương	Ngân Sách địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG (I+II)	127.889	75.253	52.636	-	4.050	48.586	
I	CÁC PHÒNG, BAN CỦA HUYỆN	8.100	4.050	4.050	-	4.050	-	
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.100	1.050	1.050		1.050		
2	Phòng Dân Tộc	3.000	1.500	1.500	-	1.500		
3	Phòng Văn hoá & Thông Tin	3.000	1.500	1.500	-	1.500		
II	PHÂN CẤP CHO CẤP XÃ	119.789	71.203	48.586	-	-	48.586	
1	UBND xã Đắk Sôr	3.655	2.151	1.504		-	1.504	
2	UBND xã Nam Xuân	10.962	6.450	4.512		-	4.512	
3	UBND xã Nam Đà	3.655	2.151	1.504		-	1.504	
4	UBND xã Tân Thành	18.269	10.750	7.519		-	7.519	
5	UBND xã Buôn Choáh	5.862	3.900	1.962		-	1.962	
6	UBND xã Đắk Drô	3.655	2.151	1.504		-	1.504	
7	UBND xã Năm N'Đir	10.962	6.450	4.512		-	4.512	
8	UBND xã Năm Nung	18.269	10.750	7.519		-	7.519	
9	UBND xã Đức Xuyên	10.962	6.450	4.512		-	4.512	
10	UBND xã Đắk Nang	15.269	9.250	6.019		-	6.019	
11	UBND xã Quảng Phú	18.269	10.750	7.519		-	7.519	

Phụ lục II.1

PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI SAU ĐIỀU CHỈNH

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của Ủy Ban Nhân Dân huyện Krông Nô)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG (I+II+III+IV+V)	73.211	72.579	632	190	260	182	
I	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	18.368	18.108	260	78	0	182	
1	Hạng mục công trình nước sạch	14.623	14.623					
1.1	Phòng NNPTNT	5.782	5.782					
1.2	Phòng Dân Tộc	8.841	8.841					
2	Hỗ trợ nhà ở, đất ở, đất sản xuất	3.745	3.485	260	78	0	182	
2.1	Nội dung 1: Hỗ trợ đất ở	1.972	1.820	152	78	0	74	
2.1.1	UBND xã Năm Nung	1.752	1.600	152	78		74	
2.1.2	UBND xã Đắk Nang	220	220					
2.2	Nội dung 2: Hỗ trợ nhà ở	1.188	1.080	108			108	
2.2.1	UBND Thị trấn Đắk Mâm	484	440	44			44	
2.2.2	UBND xã Năm Nung	220	200	20			20	
2.2.3	UBND xã Đức Xuyên	88	80	8			8	
2.2.4	UBND xã Buôn Choah	132	120	12			12	
2.2.5	UBND xã Nam Xuân	88	80	8			8	
2.2.6	UBND xã Quảng Phú (04)	176	160	16			16	
2.3	Nội dung 3: Hỗ trợ đất sản xuất	585	585					
2.3.1	UBND xã Năm N'Đir	450	450					
2.3.2	UBND xã Đức Xuyên	135	135					
II	Dự án 2: Quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết	8.600	8.600	0	0	0	0	
1	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất	8.600	8.600					

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng số	Ngân sách Trung ương	Trong đó				
				Ngân sách địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
III	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi và các đơn vị sự nghiệp công lập của lĩnh vực dân tộc	45.134	45.134					
1	Tiểu dự án 1:Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	45.134	45.134					
1.1	Các phòng, ban của huyện	12.800	12.800					
1.1.1	Ban quản lý dự án và phát triển quỹ đất	12.800	12.800					
1.2	Phân cấp cho cấp xã	32.334	32.334					
1	UBND xã Nậm Nung	8.328	8.328					
2	UBND xã Nam Đà	1.600	1.600					
3	UBND xãNam Xuân	3.201	3.201					
4	UBND xã Đức Xuyên	1.600	1.600					
5	UBND Thị trấn Đắk Mâm	4.801	4.801					
6	UBND xã Buôn Choah	3.201	3.201					
7	UBND xã Nậm N'Đir	1.600	1.600					
8	UBND xã Quảng Phú	6.403	6.403					Điều chỉnh tăng là do điều chỉnh KH vốn của xã Đắk Nang với số 2.201 trđ. Do công trình Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú trùng với dự án của Công ty Điện lực Đắk Nông đầu tư nên chuyển sang đầu tư công trình điện thôn Phú thịnh xã Đắk Nang
9	UBND xã Đắk Drô	1.600	1.600					
IV	Dự án 6: Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch	989	617	372	112	260		
*	Cấp huyện	989	617	372	112	260		

STT	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó					
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương				
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
1	Phòng Văn hoá thông tin	989	617	372	112	260		
V	Dự án 10: Truyền thông, tuyên truyền, vận động trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kiểm tra, giám sát đánh giá việc tổ chức thực hiện Chương trình	120	120	0		0		
*	Cấp huyện	120	120	0		0		
1	Phòng Dân Tộc	120	120	0		0		

Phụ lục II.2

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025 THỰC HIỆN
CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG SAU ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của Ủy Ban Nhân Dân huyện Krông Nô)

Đơn vị tính: Triệu đồng

Stt	Chương trình/Dự án, tiểu dự án	Giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
		Tổng số	Trong đó				
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
				Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
	TỔNG CỘNG	7.446	6.768	678	203	475	
I	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	7.446	6.768	678	203	475	
1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	6.948	6.316	632	189	443	
1.1	Phòng LĐTBXH	6.948	6.316	632	189	443	
2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	498	452	46	14	32	
2.1	Phòng LĐTBXH	498	452	46	14	32	

Phụ lục II.3

**PHÂN BỐ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2021-2025
THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI SAU ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của UBND huyện Krông Nô)

DVT: Triệu đồng

ST T	TÊN ĐƠN VỊ	Giai đoạn 2021-2025					Ghi chú
		Tổng	Trong đó				
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách địa phương			
				Tổng cộng	Ngân sách huyện	Ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG	127.889	75.253	52.636	4.050	48.586	
I	CÁC PHÒNG, BAN CỦA HUYỆN	8.100	4.050	4.050	4.050		
1	Phòng VH TT	3.000	1.500	1.500	1.500		Điều chỉnh giảm cho do Công trình nước sinh tập trung thôn Buôn Choah do Phòng NN&PTNT làm chủ đầu tư nên điều chỉnh kế hoạch vốn về Phòng NN&PTNT
2	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2.100	1.050	1.050	1.050		Điều chỉnh tăng cho phòng NN&PTNT là do Công trình nước sinh tập trung thôn Buôn Choah do Phòng NN&PTNT làm chủ đầu tư
3	Phòng Dân tộc	3.000	1.500	1.500	1.500		
II	PHÂN CẤP CHO CẤP XÃ	119.789	71.203	48.586	-	48.586	
1	UBND xã Đắk Sôr	3.655	2.151	1.504		1.504	
2	UBND xã Nam Xuân	10.962	6.450	4.512		4.512	
3	UBND xã Nam Đà	3.655	2.151	1.504		1.504	
4	UBND xã Tân Thành	18.269	10.750	7.519		7.519	
5	UBND xã Buôn Choáh	5.862	3.900	1.962		1.962	
6	UBND xã Đắk Drô	3.655	2.151	1.504		1.504	

7	UBND xã Năm N'Đir	10.962	6.450	4.512		4.512	
8	UBND xã Năm Nung	18.269	10.750	7.519		7.519	
9	UBND xã Đức Xuyên	10.962	6.450	4.512		4.512	
10	UBND xã Đắk Nang	15.269	9.250	6.019		6.019	
11	UBND xã Quảng Phú	18.269	10.750	7.519		7.519	

Phụ lục III

**TỔNG HỢP NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG THỰC HIỆN
03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 SAU ĐIỀU CHỈNH**

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của UBND huyện Krông Nô)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	NS Trung ương	NS địa phương				Ghi chú
			Tổng cộng	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	ngân sách xã	
	TỔNG CỘNG = A+B+C	154.600	53.946	393	4.785	48.768	
A	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	72.579	632	190	260	182	
I	Các phòng, ban của huyện	36.760	372	112	260		
II	Phân cấp cho cấp xã, thị trấn	35.819	260	78	-	182	
1	UBND Thị trấn Đắk Mâm	5.241	44	-	-	44	
2	UBND xã Nam Xuân	3.281	8	-	-	8	
3	UBND xã Nam Đà	1.600	-	-	-	-	
4	UBND xã Buôn Choáh	3.321	12	-	-	12	
5	UBND xã Đắk Drô	1.600	-	-	-	-	
6	UBND xã Năm N'Đir	2.050	-	-	-	-	
7	UBND xã Năm Nung	10.128	172	78	-	94	
8	UBND xã Đức Xuyên	1.815	8	-	-	8	
9	UBND xã Đắk Nang	220	-	-	-	-	
10	UBND xã Quảng Phú	6.563	16	-	-	16	
B	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	6.768	678	203	475	-	
I	Các phòng, ban của huyện	6.768	678	203	475		
C	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	75.253	52.636	-	4.050	48.586	
I	Các phòng, ban của huyện	4.050	4.050	-	4.050		
II	Phân cấp cho cấp xã, thị trấn	71.203	48.586	-	-	48.586	
1	UBND xã Đắk Sôr	2.151	1.504			1.504	
2	UBND xã Nam Xuân	6.450	4.512		-	4.512	
3	UBND xã Nam Đà	2.151	1.504			1.504	
4	UBND xã Tân Thành	10.750	7.519		-	7.519	
5	UBND xã Buôn Choáh	3.900	1.962		-	1.962	
6	UBND xã Đắk Drô	2.151	1.504			1.504	
7	UBND xã Năm N'Đir	6.450	4.512			4.512	
8	UBND xã Năm Nung	10.750	7.519		-	7.519	
9	UBND xã Đức Xuyên	6.450	4.512		-	4.512	
10	UBND xã Đắk Nang	9.250	6.019		-	6.019	
11	UBND xã Quảng Phú	10.750	7.519		-	7.519	

Phụ lục IV
KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỰC HIỆN
03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIAI ĐOẠN 2021-2025 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN SAU ĐIỀU CHỈNH
(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày /8/2022 của UBND huyện Krông Nô)

Stt	Nội dung/Dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch vốn năm giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
A	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI					38.923	36.023	0	800	36.823	36.023	0	800	
I	Lĩnh vực cấp, thoát nước					16.723	14.623	0	0	14.623	14.623	0	0	
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung Thôn Phú Vinh, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2023-2025	2.882	2.882			2.882	2.882			
2	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2022-2024	5.000	2.900			2.900	2.900			Lồng ghép với chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới 1.050trđ và vốn đối ứng ngân sách huyện 1.050 trđ
3	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Phú Tiến, xã Đắk Nang	Xã Đắk Nang	Phòng Dân Tộc	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2023-2025	2.841	2.841			2.841	2.841			
4	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Phú Hòa, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Phòng Dân Tộc	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2023-2025	3.000	3.000			3.000	3.000			
5	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Phú Sơn, xã Quảng Phú	Xã Quảng Phú	Phòng Dân Tộc	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2023-2025	3.000	3.000			3.000	3.000			
II	Lĩnh vực giao thông					18.200	18.200	0	0	18.200	18.200	0	0	
1	Dự án định canh, định cư tập trung xã Quảng Phú, huyện Krông Nô	Xã Quảng Phú	Ban QLDA & PTQĐ	Xây dựng mới đường giao thông với chiều dài khoảng 2,51km, đường GTNT loại B.	2022-2023	8.600	8.600			8.600	8.600			
2	Đường giao thông từ thôn Tân Lập vào khu sản xuất suối Đắk Rí, xã Năm Nung	Xã Năm Nung	Ban QLDA & PTQĐ	Nâng cấp, Sửa chữa đường giao thông với tổng chiều dài khoảng 4,2km đường GTNT loại B	2022-2024	9.600	9.600			9.600	9.600			
III	Lĩnh vực điện					4.000	3.200	0	800	4.000	3.200	0	800	
1	Đường dây trung áp, hạ áp cấp điện cho thôn Phú Thịnh, xã Đắk Nang	Xã Đắk Nang	Ban QLDA & PTQĐ	2,2km đường dây trung áp, 1,5km đường dây hạ áp và 2 trạm biến áp	2022-2023	4.000	3.200		800	4.000	3.200		800	Lồng ghép với ngân sách huyện 800 trđ

Stt	Nội dung/Dự án	Địa điểm đầu tư	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Tổng mức đầu tư dự kiến				Kế hoạch vốn năm giai đoạn 2021-2025				Ghi chú
						Tổng số	Trong đó:			Tổng số	Trong đó:			
							Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện		Ngân sách trung ương	Ngân sách tỉnh	Ngân sách huyện	
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
B	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢI NGHÈO BỀN VỮNG					6.948	6.316	189	443	6.948	6.316	189	443	
I	DỰ ÁN 4: PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, VIỆC LÀM BỀN VỮNG					6.948	6.316	189	443	6.948	6.316	189	443	
1	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị.	TT Đăk Mâm	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	Sửa chữa 02 dãy phòng học và mua sắm một số trang thiết bị	2022-2023	2.239	2.036	61	142	2.239	2.036	61	142	
2	Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – giáo dục thường xuyên huyện Krông Nô, hạng mục: Nâng cấp sửa chữa trụ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo nghề.	TT Đăk Mâm	Phòng Lao động Thương binh và Xã hội	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục gồm sân, nhà vệ sinh, cổng hàng rào và mua sắm trang thiết bị.	2023-2025	4.709	4.280	128	301	4.709	4.280	128	301	
C	CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI					11.000	4.050	-	4.050	8.100	4.050	-	4.050	
I	Lĩnh vực văn hoá					6.000	3.000	-	3.000	6.000	3.000	-	3.000	
1	Nhà văn hoá xã Đăk Nang	Xã Đăk Nang	Phòng Dân Tộc	Hội trường 200 chỗ ngồi	2022-2023	3.000	1.500		1.500	3.000	1.500		1.500	
2	Nhà văn hoá xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Phòng Văn hoá và Thông tin	Hội trường 200 chỗ ngồi	2022-2023	3.000	1.500		1.500	3.000	1.500		1.500	
II	Lĩnh vực cấp, thoát nước					5.000	1.050	0	1.050	2.100	1.050	0	1.050	
1	Công trình cấp nước sinh hoạt tập trung thôn Buôn Choah, xã Buôn Choah	Xã Buôn Choah	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Cấp nước sinh hoạt nông thôn cấp IV	2022-2024	5.000	1.050		1.050	2.100	1.050		1.050	Lồng ghép với CTMTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2.900 trđ và vốn đối ứng ngân sách huyện 1.050 trđ.

NGHỊ QUYẾT

**Về việc điều chỉnh kế hoạch vốn ngân sách nhà nước thực hiện
03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025
trên địa bàn huyện Krông Nô**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ
KHÓA VIII, KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 02/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 517/NQ-UBTVQH ngày 22/5/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc phân bổ ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 và năm 2022 cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ ban hành quy chế quản lý, điều hành thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các địa phương thực hiện 3 chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước, tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương và cơ chế hỗ trợ thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định về nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2022/NQ-HĐND ngày 17 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của HĐND tỉnh về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 1080/QĐ-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Krông Nô về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Krông Nô;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 8 năm 2022 của UBND huyện về việc điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Krông Nô; Báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - xã hội; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Krông Nô. Cụ thể như sau:

1. Trước điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 *chi tiết theo phụ lục I, II, II.1, II.2, II.3, III, IV kèm theo.*

2. Sau điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 *chi tiết theo phụ lục I, II, II.1, II.2, II.3, III, IV kèm theo.*

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo *Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 29 tháng 7 năm 2022 của HĐND huyện Krông Nô về việc giao mục tiêu, nhiệm vụ và phân bổ kế hoạch vốn đầu tư phát triển thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn huyện Krông Nô.*

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức triển khai thực hiện.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban của Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân huyện giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Krông Nô khóa VIII, kỳ họp chuyên đề thông qua ngày tháng 8 năm 2022 và có hiệu lực từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND, UBND tỉnh Đắk Nông;
- Sở Tư pháp, Tài chính, KH&ĐT;
- TT Huyện ủy, TT HĐND huyện;
- CT, PCT HĐND huyện;
- Ban Kinh tế, Pháp chế HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện;
- HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- VP. HĐND& UBND huyện;
- Công TTĐT huyện;
- Lưu VT, TCKH.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Quốc